

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Công ty	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Văn phòng Công ty	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Văn phòng Công ty	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Văn phòng Công ty	14 - 38
8. Phụ lục 01	39
9. Phụ lục 02	40
10. Phụ lục 03	41 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gia Lai CTC – Văn phòng (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Công ty.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (tiền thân là Công ty Cổ phần Văn hóa – Du lịch Gia Lai) được thành lập theo Quyết định số 1506/QĐ-CT ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc chuyển Công ty Văn hóa – Du lịch Gia Lai thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900230301, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : 0269.3.824.332
- Fax : 0269.3.824.259

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Bình Định	Số 120, Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi	204 Nguyễn Nghiêm, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Phú Yên	Ô phố B8, khu dân dụng Duy Tân, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Nam	24 Trần Cao Vân, phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty là: giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; mua bán đồ chơi trẻ em; bán lẻ điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm; phát hành xuất bản phẩm; mua bán hàng công mỹ nghệ; cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; vận tải hành khách đường thủy nội địa; kinh doanh lữ hành nội địa; mua bán phim ảnh và băng hình; mua bán quà lưu niệm; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; dịch vụ karaoke; quảng cáo; mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu; mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải khách bằng taxi; dịch vụ tắm hơi, massage; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; chăn nuôi khác; cho thuê mặt bằng kinh doanh; dịch vụ karaoke - kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí; kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh; bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Văn phòng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Lưu Chí Hòa	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Trung Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ông Đặng Thanh Toàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
Ông Đỗ Đức Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
Ông Tống Văn Thiều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2017
Ông Hứa Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Triều Ninh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
Ông Mai Văn Huấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Thị Hồng Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Huỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2019
Ông Đặng Thanh Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016
Ông Bùi Viết Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Ông Mai Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Thanh Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Mạnh Huỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2019

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Huỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0129/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC - Văn phòng (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm 2019 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (xem thuyết minh số V.8a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Nếu các khoản chi phí này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” (mã số 11) sẽ tăng thêm 8.981.500.719 VND, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (mã số 26) sẽ tăng thêm 10.057.048 VND và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) sẽ giảm đi 8.991.557.767 VND. Đồng thời trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu “Chi phí trả trước ngắn hạn” (mã số 151) và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) sẽ giảm đi với cùng số tiền là 8.991.557.767 VND.

Ngoài ra, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến một số khoản công nợ phải thu và phải trả có số tiền theo sổ sách như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu ngắn hạn khách hàng	1.360.477.339	1.435.854.419
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.519.094.145	7.160.105.868
Phải thu ngắn hạn khác	557.170.590	4.142.355.063
Phải trả người bán ngắn hạn	6.046.872.625	12.182.540.904
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	197.032.782	256.765.200
Phải trả ngắn hạn khác	-	165.000.000
Vay cá nhân và doanh nghiệp	11.295.194.263	11.436.763.543

Với những tài liệu hiện có tại Văn phòng Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đầy đủ, quyền và nghĩa vụ đối với các khoản công nợ này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC – Văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty đã quyết định điều chỉnh lại số liệu so sánh một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Như đã trình bày tại thuyết minh số VII.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 21.502.294.705 VND và nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 68.304.070.669 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty.

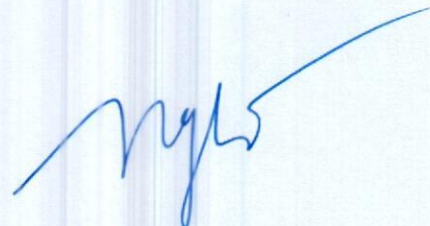
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1



Nguyễn Hữu Nghi – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.831.321.505	52.863.402.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.232.943.155	6.580.389.890
1. Tiền	111		1.232.943.155	6.580.389.890
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.942.130.433	33.464.419.835
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.675.433.432	14.249.713.470
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	20.735.494.115	11.087.526.274
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		14.901.831.437	18.789.941.059
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.168.103.183	10.875.970.766
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(21.538.731.734)	(21.538.731.734)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7.993.832.420	11.951.480.095
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7.993.832.420	11.951.480.095
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.662.415.497	867.112.467
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.466.868.473	625.395.273
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	195.547.024	241.717.194
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.479.056.211	167.512.632.278
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		155.514.000	205.514.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	127.000.000	127.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	28.514.000	78.514.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		140.317.354.547	147.383.532.422
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	139.074.656.057	146.026.301.660
- Nguyên giá	222		209.211.973.748	209.211.973.748
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.137.317.691)	(63.185.672.088)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.242.698.490	1.357.230.762
- Nguyên giá	228		1.868.461.637	1.868.461.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(625.763.147)	(511.230.875)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.437.038.843	1.437.038.843
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.437.038.843	1.437.038.843
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.521.039.792	17.521.039.792
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	17.521.039.792	17.521.039.792
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.048.109.029	965.507.221
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.048.109.029	965.507.221
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		220.310.377.716	220.376.034.565

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		149.561.973.436	149.735.435.651
I. Nợ ngắn hạn	310		128.135.392.174	126.132.085.109
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	19.979.234.930	19.193.121.300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.423.221.125	282.265.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.029.503.191	2.361.840.629
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1.039.366.417	1.227.095.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	563.587.119	1.001.196.133
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.351.812.828	989.448.594
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	99.612.594.804	100.941.046.439
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	136.071.760	136.071.760
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21.426.581.262	23.603.350.542
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	2.074.000.000	2.066.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	19.352.581.262	21.537.350.542
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.748.404.280	70.640.598.914
I. Vốn chủ sở hữu	410		70.748.404.280	70.640.598.914
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	87.999.260.000	87.999.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		87.999.260.000	87.999.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21a	3.056.845.000	3.056.845.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	1.194.593.985	1.194.593.985
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	(21.502.294.705)	(21.610.100.071)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21.610.100.071)	(21.610.100.071)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		107.805.366	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		220.310.377.716	220.376.034.565

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2020



Đặng Thị Xuân Loan
Người lập



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Huỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.213.412.919	59.947.116.972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.213.412.919	59.947.116.972
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.466.191.751	49.702.797.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.747.221.168	10.244.319.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	772.414.674	5.805.996.037
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.571.536.197	9.198.116.174
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.571.536.197	9.198.116.174
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.752.092.199	6.009.295.121
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.592.182.295	21.802.205.504
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(396.174.849)	(20.959.301.050)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	56.066.707	815.086.852
12. Chi phí khác	32	VI.8	333.350.428	810.166.390
13. Lợi nhuận khác	40		(277.283.721)	4.920.462
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(673.458.570)	(20.954.380.588)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(673.458.570)	(20.954.380.588)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2020



Đặng Thị Xuân Loan
Người lập



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Huỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(673.458.570)	(20.954.380.588)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	6.908.277.675	7.304.562.848
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	14.283.318.387
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(768.797.950)	(1.646.791.341)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.571.536.197	9.198.116.174
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.037.557.352	8.184.825.480
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.454.842.278)	(3.120.505.870)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.957.647.675	408.722.033
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.834.427.983	645.640.949
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.924.075.008)	2.380.777.481
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(10.284.941.544)	(9.154.381.810)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.834.225.820)	(654.921.737)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	851.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	20.278.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	972.006.141

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a	116.127.429.063	167.919.447.087
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a,b	(119.640.649.978)	(162.651.900.915)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.513.220.915)	5.267.546.172
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.347.446.735)	5.584.630.576
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.580.389.890	995.759.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.232.943.155	6.580.389.890

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2020



Đặng Thị Xuân Loan
Người lập



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Huỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gia Lai CTC - Văn phòng (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: mua bán đồ chơi trẻ em; bán lẻ điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm; phát hành xuất bản phẩm; mua bán hàng công mỹ nghệ; cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; vận tải hành khách đường thủy nội địa; kinh doanh lữ hành nội địa; mua bán phim ảnh và băng hình; mua bán quà lưu niệm; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; dịch vụ karaoke; quảng cáo; mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu; mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải khách bằng taxi; dịch vụ tắm hơi, massage; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; chăn nuôi khác; cho thuê mặt bằng kinh doanh; dịch vụ karaoke - kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí; kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh; bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Văn phòng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Theo thông báo số 25/2019/TB-CTC ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tổng Giám đốc, Công ty chính thức tạm dừng hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Phú Yên từ ngày 31 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 8 năm 2020.

- Theo Công văn số 69/2017/CV-CTC ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Ban lãnh đạo mới Công ty Cổ phần Gia Lai CTC, chính thức khởi kiện Ban lãnh đạo cũ về việc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý kinh tế, lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, gây thất thoát nghiêm trọng tài sản của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, vụ kiện vẫn đang tiếp tục trong quá trình điều tra chưa có kết luận chính thức.

6. Cấu trúc Văn phòng Công ty

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	Số 3, Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cung cấp dịch vụ ăn uống	22%	22%	22%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính của Văn phòng Công ty có 117 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 150 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, bảo dưỡng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 20

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Văn phòng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Văn phòng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	157.917.802	1.977.337.933
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.075.025.353	4.603.051.957
Cộng	<u>1.232.943.155</u>	<u>6.580.389.890</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>10.242.709</i>	<i>10.242.709</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	10.242.709	10.242.709
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>14.665.190.723</i>	<i>14.239.470.761</i>
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC Nghệ An	677.867.298	677.867.298
Hộ kinh doanh Dương Trung Thành	390.000.000	390.000.000
Hộ kinh doanh Đinh Thiên Hùng	361.433.801	361.433.801
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	1.497.193.235	1.497.193.235
Khách hàng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi	1.085.937.798	1.085.937.798
Khách hàng tại Nhà sách Siêu thị Gia Lai C.T.C Pleiku	796.276.552	953.852.248
Khách hàng tại Nhà sách Kbang	308.331.556	360.768.272
Khách hàng tại Tre Xanh Plaza	3.213.352.522	3.213.352.522
Các khách hàng khác	6.334.797.961	5.699.065.587
Cộng	<u>14.675.433.432</u>	<u>14.249.713.470</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Doanh nghiệp tư nhân Duy Thu	351.484.900	351.484.900
Nhà hàng Lá Xanh	745.419.906	738.685.684

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Long	1.175.750.000	1.175.750.000
Ông Nguyễn Văn Thương	586.716.100	586.716.100
Ông Trương Văn Sinh	514.807.460	514.807.460
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng TMT	6.600.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.761.315.749	7.720.082.130
Cộng	<u>20.735.494.115</u>	<u>11.087.526.274</u>

4. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>		
Cho cá nhân khác vay (*)	127.000.000	127.000.000
Cộng	<u>127.000.000</u>	<u>127.000.000</u>

(*) Cho cán bộ công nhân viên Văn phòng Công ty vay.

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.626.329.313	-	1.857.531.363	-
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai - Cổ tức được chia	2.626.329.313	-	1.857.531.363	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.541.773.870	(6.546.774.936)	9.018.439.403	(6.546.774.936)
Công ty Cổ phần Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực Châu Á Thái Bình Dương	1.289.920.000	(1.289.920.000)	1.289.920.000	(1.289.920.000)
Các khoản ký quỹ, ký cược	278.104.000	-	271.064.000	-
Tạm ứng	452.980.170	-	1.052.083.516	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.520.769.700	(5.256.854.936)	6.405.371.887	(5.256.854.936)
Cộng	<u>12.168.103.183</u>	<u>(6.546.774.936)</u>	<u>10.875.970.766</u>	<u>(6.546.774.936)</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi - Phải thu tiền hàng	1.085.937.798	-	1.085.937.798	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền hàng	9.281.544.814	-	9.281.544.814	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu khác	6.546.774.936	-	6.546.774.936	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu các cá nhân khác- Phải thu cho vay	127.000.000	-	127.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Trả trước người bán	4.497.474.186	-	4.497.474.186	-
Cộng	21.538.731.734	-	21.538.731.734	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.538.731.734	7.255.413.347
Trích lập dự phòng	-	14.283.318.387
Số cuối năm	21.538.731.734	21.538.731.734

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	98.358.015	-	162.856.988	-
Hàng hóa	7.895.474.405	-	11.788.623.107	-
Cộng	7.993.832.420	-	11.951.480.095	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	9.341.719	74.884.725
Chi phí công cụ, dụng cụ	397.573.342	417.400.905
Chi phí nhà sách nhân dân	-	87.933.538
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	67.604.766	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác (*)	8.992.348.646	45.176.105
Cộng	9.466.868.473	625.395.273

(*) Trong đó chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2019 với tổng số tiền là 8.991.557.767 VND đang chờ phân bổ.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	589.394.191	302.820.889
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	442.960.927	662.686.332
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.753.911	-
Cộng	1.048.109.029	965.507.221

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 133.686.632.807 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.039.870.137	828.591.500	1.868.461.637
Số cuối năm	1.039.870.137	828.591.500	1.868.461.637
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	288.754.000	288.754.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	511.230.875	511.230.875
Khấu hao trong năm	-	114.532.272	114.532.272
Số cuối năm	-	625.763.147	625.763.147
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.039.870.137	317.360.625	1.357.230.762
Số cuối năm	1.039.870.137	202.828.353	1.242.698.490
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 737.352.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (xem thuyết minh số V.19a).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công viên Đồng Xanh	1.437.038.843	-	1.437.038.843
Cộng	1.437.038.843	-	1.437.038.843

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai ⁽ⁱ⁾	17.521.039.792	-	17.521.039.792	-
Cộng	17.521.039.792	-	17.521.039.792	-

⁽ⁱ⁾ Văn phòng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai là 809.261 cổ phần, chiếm 22% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, Văn phòng Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai để bảo lãnh cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai (xem thuyết minh số V.19a).

Giá trị hợp lý

Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Không phát sinh dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Giao dịch với các công ty liên kết

Văn phòng Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức được chia	768.797.950	971.113.200
Vay tiền	2.600.000.000	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà sách Hồng Ân	747.866.343	-
Công ty Cổ phần In_ Đầu tư Phát triển Giáo dục Gia Lai	186.726.140	228.040.639
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Thuận Tiến	621.574.184	202.624.004
Công ty TNHH Văn hóa - Sáng tạo Trí Việt	324.706.303	361.627.992
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	115.660.209	59.468.239
Công ty Cổ phần Văn Hóa Huy Hoàng - Chi nhánh Phía Nam	405.325.952	424.499.832
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Trẻ	289.773.971	334.910.207
Chi nhánh Nhà xuất bản Kim Đồng tại Miền Trung	249.921.703	342.743.533
Các nhà cung cấp khác	17.037.680.125	17.239.206.854
Cộng	<u>19.979.234.930</u>	<u>19.193.121.300</u>

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Văn	194.296.863	194.296.863
Các nhà cung cấp khác	6.798.857.193	4.783.841.341
Cộng	<u>6.993.154.056</u>	<u>4.978.138.204</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<u>4.126.577.837</u>	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist	4.126.577.837	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	296.643.288	282.265.200
Khách hàng tại Nhà hàng Tre Xanh	-	256.765.200
Công ty TNHH MTV Tổ chức Sự kiện Trường Nguyễn Gia Lai	71.280.000	-
Các khách hàng khác	225.363.288	25.500.000
Cộng	4.423.221.125	282.265.200

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.342.345.508	1.456.080	3.838.082.189	(5.969.245.654)	211.182.043	1.456.080
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.912.952	-	-	-	8.912.952	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	194.090.944	-	-	-	194.090.944
Thuế thu nhập cá nhân	10.582.169	-	160.174.267	-	170.756.436	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	46.170.170	1.081.908.127	(397.086.197)	638.651.760	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Cộng	2.361.840.629	241.717.194	5.090.164.583	(6.376.331.851)	1.029.503.191	195.547.024

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ tour du lịch nước ngoài	0%
Nhà sách: bán sách các loại	Không chịu thuế, 5%, 10%
Siêu thị	10%
Dịch vụ cho thuê văn phòng, ăn uống, nhà hàng, khách sạn	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn phòng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(673.458.570)	(20.954.380.588)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	433.191.337	15.193.325.686
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(240.267.233)	(5.761.054.902)
Thu nhập được miễn thuế	(768.797.950)	(971.113.200)
<i>Cổ tức được chia</i>	(768.797.950)	(971.113.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(1.009.065.183)	(6.732.168.102)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Văn phòng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Văn phòng Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

Các loại thuế khác

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2019 còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	394.580.806	107.986.153
Chi phí tại nhà hàng, khách sạn	92.837.273	793.609.560
Chi phí tại nhà sách	76.169.040	99.600.420
Cộng	563.587.119	1.001.196.133

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế	125.805.422	101.720.072
Bảo hiểm thất nghiệp	57.327.049	46.390.249
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.009.718.135	668.252.063
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	158.962.222	173.086.210
Cộng	1.351.812.828	989.448.594

18b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Văn phòng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	15.847.339.621	15.547.339.621
Vay Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai ⁽ⁱ⁾	2.600.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist ⁽ⁱⁱ⁾	4.400.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai (xem thuyết minh số V.19b) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.747.339.621	8.747.339.621
Vay các cá nhân có liên quan ^(iv)	100.000.000	6.800.000.000
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	83.765.255.183	85.393.706.818
Vay ngắn hạn ngân hàng	80.807.255.183	81.738.706.818
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(v)	43.812.337.190	44.999.559.137
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(vi)	36.994.917.993	36.739.147.681
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	<u>2.958.000.000</u>	<u>3.655.000.000</u>
Cộng	<u>99.612.594.804</u>	<u>100.941.046.439</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai để thanh toán các khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai và giải chấp tài sản đã thế chấp qui định tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 06 tháng 6 năm 2012 với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai (xem thuyết minh số V.12).
- (ii) Vay Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist để tất toán các khoản vay Ông Phạm Hồng Sơn với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 180 ngày. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thực hiện chuyển nhượng lại 2.681.084 cổ phần của Ông Phạm Hồng Sơn tại Công ty cho Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist.
- (iii) Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất ngân hàng BIDV Gia Lai. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 03 tháng.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để bổ sung vốn kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để bổ sung vốn kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà sách với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	81.738.706.818	107.038.360.570	-	(107.969.812.205)	80.807.255.183
Vay ngắn hạn các cá nhân	6.800.000.000	2.089.068.493	-	(8.789.068.493)	100.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	12.402.339.621	-	1.529.000.000	(2.226.000.000)	11.705.339.621
Cộng	100.941.046.439	116.127.429.063	1.529.000.000	(118.984.880.698)	99.612.594.804

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan	100.000.000	-	100.000.000	-
Vay các cá nhân có liên quan ⁽ⁱ⁾	100.000.000	-	100.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	19.252.581.262	16.954.726.620	21.437.350.542	18.483.726.620
Vay dài hạn ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱ⁾	16.954.726.620	16.954.726.620	18.483.726.620	18.483.726.620
Vay dài hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.297.854.642	-	2.953.623.922	-
Cộng	19.352.581.262	16.954.726.620	21.537.350.542	18.483.726.620

(i) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân bên liên quan để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay bằng lãi suất vay ngắn hạn theo Ngân hàng thương mại nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn vay 03 năm.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để đầu tư xây dựng khách sạn và cải tạo, nâng cấp nhà hàng với lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần, thời hạn vay được quy định theo từng hợp đồng vay cụ thể, thời hạn tối thiểu là 96 tháng và tối đa là 120 tháng, số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

(iii) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân khác để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay bằng lãi suất vay ngắn hạn theo Ngân hàng thương mại nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, thời hạn vay 03 năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Số cuối năm	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
	Vay dài hạn ngân hàng	19.762.726.620	2.808.000.000	16.954.726.620
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.747.339.621	8.747.339.621	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	2.547.854.642	150.000.000	2.397.854.642	-
Cộng	31.057.920.883	11.705.339.621	19.352.581.262	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	22.138.726.620	3.655.000.000	18.483.726.620	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.747.339.621	8.747.339.621	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	3.053.623.922	-	3.053.623.922	-
Cộng	33.939.690.163	12.402.339.621	21.537.350.542	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	18.483.726.620	(1.529.000.000)	-	16.954.726.620
Vay dài hạn các cá nhân	3.053.623.922	-	(655.769.280)	2.397.854.642
Cộng	21.537.350.542	(1.529.000.000)	(655.769.280)	19.352.581.262

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
<i>Các bên liên quan</i>	<i>100.000.000</i>	<i>-</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>-</i>	<i>100.000.000</i>
Vay các cá nhân có liên quan	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
<i>Các cá nhân khác</i>	<i>2.297.854.642</i>	<i>-</i>	<i>2.297.854.642</i>	<i>2.953.623.922</i>	<i>-</i>	<i>2.953.623.922</i>
Vay dài hạn các cá nhân khác	2.297.854.642	-	2.297.854.642	2.953.623.922	-	2.953.623.922
Cộng	2.397.854.642	-	2.397.854.642	3.053.623.922	-	3.053.623.922

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Văn phòng Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán và đã được gia hạn nợ.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(230.903.649)	-	(230.903.649)
Quỹ phúc lợi	366.975.409	-	366.975.409
Cộng	136.071.760	-	136.071.760

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các cổ đông	87.999.260.000	87.999.260.000
Cộng	87.999.260.000	87.999.260.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.799.926	8.799.926
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.799.926	8.799.926
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.799.926	8.799.926
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.799.926	8.799.926
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.799.926	8.799.926
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/CTC ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2018.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	696.440.129	1.146.651.644
Trên 01 năm đến 05 năm	2.785.760.516	3.131.361.806
Trên 05 năm	21.730.561.057	22.427.001.186
Cộng	<u>25.212.761.702</u>	<u>26.705.014.636</u>

Văn phòng Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực từ 04 năm đến 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh địa phương công bố.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	21.019.407.901	32.042.618.281
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.194.005.018	27.904.498.691
Cộng	<u>60.213.412.919</u>	<u>59.947.116.972</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Văn phòng Công ty chỉ có phát sinh cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist với số tiền là 5.625.272.999 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.940.769.622	25.928.992.764
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.525.422.129	23.773.804.496
Cộng	<u>39.466.191.751</u>	<u>49.702.797.260</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	20.278.869
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.466.724	2.766.829
Lãi ký quỹ	1.150.000	1.104.000
Lãi hợp tác kinh doanh	-	4.810.733.139
Cổ tức, lợi nhuận được chia	768.797.950	971.113.200
Cộng	<u>772.414.674</u>	<u>5.805.996.037</u>

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.100.993.038	2.832.449.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.065.241.848	1.065.241.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.313.536.113	1.378.394.781
Chi phí bằng tiền khác	272.321.200	733.209.191
Cộng	<u>4.752.092.199</u>	<u>6.009.295.121</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.810.530.994	3.008.666.076
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.199.843	14.818.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.063.797	893.297.676
Chi phí dự phòng	-	14.283.318.387
Thuế, phí và lệ phí	734.592.717	1.026.145.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	537.367.754	509.458.275
Các chi phí khác	1.589.427.190	2.066.501.396
Cộng	<u>6.592.182.295</u>	<u>21.802.205.504</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	655.399.272
Thu tiền chiết khấu	36.863.796	13.828.649
Thu tiền bồi thường	18.052.911	112.615.421

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	1.150.000	33.243.510
Cộng	56.066.707	815.086.852
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nộp phạt	299.379.107	153.331.430
Chi phí hàng thiếu kiểm kê	14.067.037	-
Chi phí không có hóa đơn	-	618.800.000
Chi phí khác	19.904.284	38.034.960
Cộng	333.350.428	810.166.390
9. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp.		
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.239.244.102	9.556.334.350
Chi phí nhân công	10.936.369.212	10.306.694.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.908.277.675	7.304.562.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.487.824.951	9.193.421.930
Chi phí khác	2.332.497.536	18.964.363.296
Cộng	41.904.213.476	55.325.376.787

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Công văn số 314/PC46 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đang thụ lý vụ án trốn thuế xảy ra từ tháng 10/2014 đến tháng 6/2016 tại Nhà hàng Tre Xanh (đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Gia Lai CTC), theo đó Cơ quan Cảnh sát điều tra có đủ căn cứ xác định từ tháng 10/2014 đến tháng 6/2016 Ban lãnh đạo cũ của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC kê khai, nộp thuế thấp hơn doanh thu của Nhà hàng Tre Xanh với số tiền 8.421.769.293 VND, nhằm giảm số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước số tiền 1.606.022.024 VND (trong đó bao gồm thuế GTGT 842.176.929 VND và thuế TNDN 763.845.095 VND) đã gây thiệt hại Ngân sách Nhà nước. Đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú các cá nhân có liên quan trên.

2. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.266.000.000	2.460.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	6.268.000.000	8.451.000.000
Trên 05 năm	2.700.000.000	3.845.000.000
Cộng	11.234.000.000	14.756.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền	1.989.068.493	7.900.000.000
Trả tiền vay	(8.589.068.493)	(1.100.000.000)
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Trả tiền vay	(200.000.000)	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền	100.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19a và V.19b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	747.739.919	684.326.501
Thù lao	114.075.000	142.155.000
Phụ cấp	-	51.700.000
Cộng	<u>861.814.919</u>	<u>878.181.501</u>

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Văn phòng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist	Công ty có thành viên có mối quan hệ mật thiết với cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.12 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Văn phòng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist		
Vay tiền	4.400.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5a, V.14 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Văn phòng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thương mại: buôn bán sách các loại, văn phòng phẩm, siêu thị.
- Hoạt động dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, tour du lịch, cho thuê tài sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty được thể hiện ở Phụ lục 3 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty phát sinh gồm nội địa và nước ngoài.

5. Số liệu so sánh

Các sai sót

Một số chi phí liên quan đến dự phòng phải thu khó đòi và chi phí chờ phân bổ phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tài sản thừa thiếu chờ xử lý từ các năm trước không ghi nhận theo chính sách kế toán của Văn phòng Công ty.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm trước như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản phải thu ngắn hạn					
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	130	50.980.660.977	(17.516.241.142)	33.464.419.835	
Tài sản thiếu chờ xử lý	137	(7.255.413.347)	(14.283.318.387)	(21.538.731.734)	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	139	3.232.922.755	(3.232.922.755)	-	(ii)
	150	6.605.637.763	(5.738.525.296)	867.112.467	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.363.920.569	(5.738.525.296)	625.395.273	(iii)
Nợ ngắn hạn	310	127.645.951.580	(1.513.866.471)	126.132.085.109	
Phải trả ngắn hạn khác	319	2.503.315.065	(1.513.866.471)	989.448.594	(iv)
Vốn chủ sở hữu	410	92.381.498.881	(21.740.899.967)	70.640.598.914	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	130.799.896	(21.740.899.967)	(21.610.100.071)	(v)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	45.440.555.502	4.262.241.758	49.702.797.260	(vi)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	14.506.561.470	(4.262.241.758)	10.244.319.712	
Chi phí bán hàng	25	5.520.701.583	488.593.538	6.009.295.121	(vii)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.531.197.117	15.271.008.387	21.802.205.504	(viii)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(937.457.367)	(20.021.843.683)	(20.959.301.050)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(932.536.905)	(20.021.843.683)	(20.954.380.588)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(932.536.905)	(20.021.843.683)	(20.954.380.588)	(ix)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	(932.536.905)	(20.021.843.683)	(20.954.380.588)	
Các khoản dự phòng	03	-	14.283.318.387	14.283.318.387	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.357.747.815)	5.738.525.296	2.380.777.481	

- (i) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
Tăng do trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra số tiền là 14.283.318.387 VND.
- (ii) Tài sản thiếu chờ xử lý
Là hàng hóa thiếu hụt sau kiểm kê và hàng hóa chênh lệch thiếu giữa chi tiết phần mềm quản lý hàng hóa với phần mềm kế toán từ các năm trước giảm do Công ty ghi nhận các khoản thiếu hụt trên vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước số tiền là 3.232.922.755 VND.
- (iii) Chi phí trả trước ngắn hạn
Giảm do phân bổ chi phí sản xuất vào kết quả kinh doanh số tiền là 5.738.525.296 VND.
- (iv) Phải trả ngắn hạn khác
Là chênh lệch hàng hóa thừa giữa phần mềm quản lý bán hàng tại các nhà sách và phần mềm kế toán từ các năm trước giảm do Công ty ghi nhận các khoản thừa trên vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước số tiền là 1.513.866.471 VND.
- (v) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Các điều chỉnh bao gồm:
Giảm do trích dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (14.283.318.387)
Giảm do kết chuyển tài sản thiếu chờ xử lý (3.232.922.755)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC – VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giảm do phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	(5.738.525.296)
Tăng do kết chuyển tài sản thừa chờ giải quyết	1.513.866.471
Cộng	(21.740.899.967)
(vi) Giá vốn hàng bán	
Tăng do phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn số tiền 4.262.241.758 VND.	
(vii) Chi phí bán hàng	
Tăng do phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn số tiền 488.593.538 VND.	
(viii) Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Các điều chỉnh bao gồm:	
Tăng do trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi	14.283.318.387
Tăng do phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	987.690.000
Cộng	15.271.008.387
(ix) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	
Các điều chỉnh bao gồm:	
Giảm do trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi	(14.283.318.387)
Giảm do phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	(5.738.525.296)
Cộng	(20.021.843.683)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 21.502.294.705 VND và nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 68.304.070.669 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty.

Tuy nhiên, Văn phòng Công ty đã làm việc với các ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay và các ngân hàng vẫn đang hỗ trợ tài chính cho Văn phòng Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Văn phòng Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Đặng Thị Xuân Loan
Người lập

Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Huỳnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 1: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	172.819.458.822	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.356.534.073	209.211.973.748
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	172.819.458.822	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.356.534.073	209.211.973.748
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.831.481.252	4.207.123.553	222.046.608	345.221.925	793.731.000	14.399.604.338
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	42.994.822.358	16.869.430.508	799.470.848	483.006.737	2.038.941.637	63.185.672.088
Khấu hao trong năm	4.854.012.824	1.557.921.384	173.227.272	38.406.684	328.077.439	6.951.645.603
Số cuối năm	47.848.835.182	18.427.351.892	972.698.120	521.413.421	2.367.019.076	70.137.317.691
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	129.824.636.464	12.624.510.356	2.020.984.851	238.577.553	1.317.592.436	146.026.301.660
Số cuối năm	124.970.623.640	11.066.588.972	1.847.757.579	200.170.869	989.514.997	139.074.656.057

Trong đó:
 Tạm thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý



Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2020

(Handwritten signature)

Đặng Thị Xuân Loan
 Người lập

Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Huỳnh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	87.999.260.000	3.056.845.000	3.371.385.893	(3.825.878.014)	90.601.612.879
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(20.954.380.588)	(20.954.380.588)
Lợi nhuận từ các đơn vị trực thuộc	-	-	-	993.366.623	993.366.623
Bù đắp lỗ lũy kế từ quỹ	-	-	(2.176.791.908)	2.176.791.908	-
Số dư cuối năm trước	87.999.260.000	3.056.845.000	1.194.593.985	(21.610.100.071)	70.640.598.914
Số dư đầu năm nay	87.999.260.000	3.056.845.000	1.194.593.985	(21.610.100.071)	70.640.598.914
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(673.458.570)	(673.458.570)
Lợi nhuận từ các đơn vị trực thuộc	-	-	-	781.263.936	781.263.936
Số dư cuối năm nay	87.999.260.000	3.056.845.000	1.194.593.985	(21.502.294.705)	70.748.404.280

Đơn vị tính: VND

Giá Lai ngày 30 tháng 3 năm 2020

Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Huỳnh
Tổng Giám đốc

Đặng Thị Xuân Loan
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 3: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:

Năm nay	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.019.407.901	39.194.005.018	-	-	60.213.412.919
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.019.407.901	39.194.005.018	-	-	60.213.412.919
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.019.407.901	39.194.005.018	-	-	60.213.412.919
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(50.810.466.245)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	9.402.946.674
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	772.414.674
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(10.571.536.197)
Thu nhập khác	-	-	-	-	56.066.707
Chi phí khác	-	-	-	-	(333.350.428)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(673.458.570)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.110.421.942	-	-	-	1.110.421.942
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.093.998.009	-	-	-	8.093.998.009
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 3: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	32.042.618.281	27.904.498.691	-	-	59.947.116.972
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.042.618.281	27.904.498.691	-	-	59.947.116.972
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	32.042.618.281	27.904.498.691	-	-	59.947.116.972
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(77.514.297.885)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(17.567.180.913)
Doanh thu hoạt động tài chính					5.805.996.037
Chi phí tài chính					(9.198.116.174)
Thu nhập khác					815.086.852
Chi phí khác					(810.166.390)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(20.954.380.588)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	820.178.781	-	-	-	820.178.781
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.324.087.299	-	-	-	10.324.087.299
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	14.283.318.387	-	-	-	14.283.318.387

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC - VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 3: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	202.789.337.924	-	-	-	202.789.337.924
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					17.521.039.792
Tổng tài sản					220.310.377.716
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	149.561.973.436	-	-	-	149.561.973.436
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					149.561.973.436
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	202.854.994.773	-	-	-	202.854.994.773
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					17.521.039.792
Tổng tài sản					220.376.034.565
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	149.735.435.651	-	-	-	149.735.435.651
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					149.735.435.651

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2020



(Handwritten signature)

Đặng Thị Xuân Loan
 Người lập

Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Huỳnh
 Tổng Giám đốc

